TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 167/2019/DS-PT Ngày: 31 - 5 - 2019 V/v tranh chấp "*Quyền sử dụng đất*".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Song Bình;

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 329/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phạm Văn L, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Võ Văn Bé N, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1960 (có mặt);

2. NLQ2, sinh năm 1966 (có mặt);

3. NLQ3, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

4. NLQ4, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

5. NLQ5, sinh năm 1999 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày: Ông có đứng tên phần đất diện tích 1.404,7m^2 thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03491 ngày 04/5/2011 cho ông Phạm Văn L. Giáp ranh với đất của ông là đất của ông Võ Văn Bé N. Vào khoảng năm 2015, ông L phát hiện ông Bé N lấn qua đất của ông khoảng 79,2m^2, ông đã nhiều lần yêu cầu ông Bé N trả lại đất nhưng ông N không đồng ý. Phần đất ông N lấn chiếm 79,2m^2 là do ông tự tính toán dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với Biên bản định giá và sơ đồ vị trí khu đất ngày 05/01/2018 thì ông không thống nhất nhưng ông không yêu cầu đo đạc, thẩm định lại.

Nay ông L yêu cầu ông Bé N và gia đình trả lại cho ông phần đất 79,2m^2 mà gia đình ông Bé N lấn chiếm, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông không đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông N.

* Bị đơn ông Võ Văn Bé N trình bày: Ông hoàn toàn không có lấn đất của ông L nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày: Bà là vợ ông Phạm Văn L. Phần đất đang tranh chấp hiện ông L đang đứng tên và đang bị ông Bé N lấn chiếm. Phần đất này vợ chồng bà trồng cỏ nuôi bò. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà không có ý kiến gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2, anh NLQ3, anh NLQ4 và anh NLQ5 trình bày: NLQ2 là vợ; anh NLQ3, anh NLQ4 và anh NLQ5 là con của ông Võ Văn Bé N và ông N có đại diện gia đình đứng tên đất. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà và các anh không đồng ý vì không có lấn đất của ông L.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 329/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 265, Điều 266 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L.

- Về án phí: Ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Ông Phạm Văn L đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 34416 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên ông đã nộp xong.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 02 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn ông Phạm Văn L kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Võ Văn Bé N trả lại 53,7m^2 đất.

- Lời trình bày của nguyên đơn:

Tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Bé N và gia đình trả lại cho ông phần đất 79,2m^2 mà gia đình ông Bé N lấn chiếm, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông không đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông N.

- Lời trình bày của bị đơn:

Ông Võ Văn Bé N và NLQ1 cho rằng ông L khởi kiện buộc gia đình ông bà lấn chiếm đất với diện tích đất 79,2m^2 là không có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ông cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm các tài liệu là bản sao (photo) vào năm 2016 ông đã khởi kiện ông L lấn chiếm đất, sau đó các bên đã thỏa thuận được việc xác định ranh giới và cắm cột mốc bằng bê tông, nên ông rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện C đã đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó cho đến nay các cột mốc còn giữ nguyên hiện trạng ban đầu, không thay đổi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung:

Qua diễn biến phiên tòa và các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông L là không có căn cứ, nội dung kháng cáo của ông L cũng không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3, sinh năm 1988, NLQ4, sinh năm 1997, NLQ5, sinh năm 1999 (xin vắng mặt), các đương sự đã có lời khai, tài liệu chứng cứ đã được cấp sơ thẩm thu thập, việc vắng mặt của các

đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm qua lời trình bày cùa các đương sự và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ông Phạm Văn L quản lý sử dụng phần đất diện tích 1.404,7m^2 thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 02 vị trí đất tại Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03491 ngày 04/5/2011. Kết quả đo đạc thực tế có diện tích 1.394,7m^2 (thiếu so với giấy chứng nhận 10m^2) theo biên bản xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản ngày 05/11/2018.

- Hộ ông Võ Văn Bé N đang quản lý sử dụng phần đất diện tích 803,9m^2 thửa 156, tờ bản đồ số 22 vị trí đất tại Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH24135 UBND huyện C cấp ngày 28/02/2014. Kết quả đo đạc thực tế diện tích 760,2m^2 (thiếu so với giấy chứng nhận 43,7m^2) theo biên bản xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản ngày 05/11/2018.

- Theo lời trình bày của các đương sự cho thấy, đất các đương sự hiện vẫn đang canh tác, quản lý sử dụng, không bỏ hoang.

- Ông L cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N nếu trừ đường đi vào nhà ông N thì thiệt thòi cho ông. Theo ông đường đi chỉ ngang 1m, thực tế đường đi vào nhà ông N ngang 2,17m, nên đất ông N mới thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo hồ sơ và kết quả đo đạc chỉ thiếu 10m^2 , Ông L cho rằng ông N lấn đất của ông là 79,2m^2 , kết quả đo đạc đất của ông N cũng thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập hồ sơ kê khai cấp đất của ông L và ông N đảm bảo về trình tự, thủ tục, hiện trạng đất không có biến động, hiện trạng không thay đổi, các đương sự giáp ranh đều có ký tên vào hồ sơ, kích thước thửa đất trong hồ sơ cấp đất và thực tế đo đạc khi tranh chấp không biến động.

- Trên diện tích đất ông L cho rằng ông N lấn chiếm, hiện có trồng một cây dừa khoảng 8 đến 10 năm tuổi, cho thấy vị trí ranh đất được xác định nên ông N mới trồng dừa trong nhiều năm nay, ông L cũng thừa nhận cây dừa này do ông N trồng đã lâu.

- Ông L cho rằng trong bản vẽ phần đất ông N chưa tính diện tích đường đi, đường vào nhà ông N không phải đường đi công cộng. Theo hồ sơ trích lục địa chính con đường đi vào nhà ông N là đường đi công cộng, thực tế đường đi này đi ngang qua đất của hộ ông Võ Văn Bé S và đất của ông Phạm Văn H, do đó ý kiến của ông L là không có căn cứ.

- Ngày 08/4/2019, thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn L yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chổ hiện trạng các thửa đất tranh chấp, ông L không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Sau

khi thẩm định tại chổ đối với hai thửa đất đang tranh chấp (có biên bản thể hiện trong hồ sơ).

Vào năm 2016, ông N có đơn khởi kiện ông L lấn chiếm đất của ông, sau khi Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định và định giá đất đang tranh chấp, thì giữa ông N và ông L đã tự thỏa thuận được với nhau tại biên bản ngày 22/6/2016 về việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận xác định ranh giới quyền sử dụng đất và nguyên đơn rút toàn bộ đơn khởi kiện. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quyết định số: 35/2016/QĐST-DS ngày 23/6/2016.

Sau khi các bên tự nguyên thỏa thuận xác định ranh giới đất, đã tiến hành cắm cột mốc tại vị trí các bên đã thỏa thuận theo biên bản ngày 22/6/2016, đến ngày 08/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định hiện trạng các cột mốc bằng cột bê tông vẫn còn, các đương sự xác định không có thay đổi vị trí.

Từ những nội dung và các chứng cứ tài liệu thể hiện, từ khi các bên thỏa thuận việc xác định ranh giới đất và cắm cột mốc đất giữa ông Phạm Văn L và ông Võ Văn Bé N đến khi Tòa án cấp phúc thẩm đến xem xét thẩm định tại chổ không có thay đổi và biến động, các cột mốc còn nguyên hiện trạng như khi cắm. Diện tích đất các bên không biến động tăng, sơ đồ khi các bên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đo đạc hiện trạng các thửa đất tranh chấp tại cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không có thay đổi kích thước tứ cận. Cho thấy việc ông L khởi kiện cho rằng hộ ông N lấn chiếm đất của ông khoảng 79,2m^2 là không có căn cứ, do đó hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 329/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 265, 266 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 329/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L.

2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Ông Phạm Văn L đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 34416 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên ông đã nộp xong.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn L có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015312 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên ông đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Đăng cổng TTĐTA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2019-C

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp